

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 09 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 01/4/2021
"V/v Ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Nguyễn Mạnh Dũng;
2. ông Nguyễn Quang Liêu;

Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: ông Phan Văn Khải – Chức vụ: Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 438/2020/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021 / QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2021 giữa các đương sự:

[1].Nguyên đơn: chị Thạch Thị Thanh Th; Sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ K, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

[2].Bị đơn: anh Trần Như L; Sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ : Thôn 5, xã Đ K, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

[3].Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1.ông Trần Nh L; Sinh năm 1959 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ K, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

3.2.bà Nguyễn Thị H ; Sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ K, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

3.3.Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ : 169 phố Linh Đường, P. Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Người đại diện : ông Hoàng Quốc V. (có mặt)

Địa chỉ: số 64, QL 14, TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 15/9/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Thạch Thị Thanh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Như Lự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương vào ngày 30/11/2009, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp với nhau, tính cách khác nhau, anh Lợi hay bạo lực gia đình, vũ phu, đánh đập tôi nhiều lần, tôi không thể sống chung với nhau được nữa, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Trần Phước Lộc; Sinh ngày 09/4/2014, nguyện vọng để cho anh Lợi nuôi con, không cấp dưỡng.

Về tài sản chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Có vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, bà Nguyễn Thị H , ông Trần Nh L nhưng hiện tại chưa có khả năng trả nợ.

Bị đơn anh Trần Như L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với lời trình bày của cô Thạch Thị Thanh Th về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có hạnh phúc, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có một con chung tên Trần Phước Lộc; sinh ngày 09/4/2014, nguyện vọng đồng ý nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000đ/1 tháng.

Về nợ : Nợ chung là đúng.

Riêng khoản nợ ngân hàng : Không đồng ý trả lý do cô Thủy đã xác nhận trong bản tự khai nội dung “ khoản vay nào tôi có ký tên thì tôi sẽ trả”.

Người liên quan yêu cầu độc lập:

1/ ông Trần Nh L trình bày : Ngày 15/9/2018 Thạch Thị Thanh Th và Trần Như L có vay của tôi số tiền 350.000.000đ , hẹn trả năm 2021, yêu cầu Thạch Thị Thanh Th và Trần Như L phải trả số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa ông Trần Nh L rút đơn khởi kiện.

2/bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 1/4/2020 Thạch Thị Thanh Th và Trần Như L có vay của tôi số tiền 20.000.000đ, hẹn trả 1/4/ 2021, mức lãi 20.000đ/1 tháng/1 triệu, tiền lãi chưa trả, yêu cầu Thạch Thị Thanh Th và Trần Như L phải trả tôi số tiền gốc 20.000.000đ, riêng về tiền lãi thay đổi nội dung khởi kiện là yêu cầu trả lãi 1,66%/1 tháng theo quy định. Tại phiên tòa bà Hương rút đơn khởi kiện vì trả nợ xong.

3/ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, người đại diện trình bày nội dung:

Ngày 07/9/2017 chị Thạch Thị Thanh Th là đại diện chủ hộ gia đình có vay tiền 12.000.000đ hình thức tín chấp, mục đích vay để làm công trình nước sạch và nhà vệ sinh, số kỳ trả gốc tổng cộng 9 kỳ, 6 tháng 1 kỳ, trong đó 8 kỳ đầu, mỗi kỳ trả 1.300.000đ, kỳ cuối cùng còn lại trả 1.600.000đ. ngày bắt đầu trả gốc 07/9/2018, thời hạn trả nợ cuối cùng 07/9/2022, khi vay thỏa thuận mức lãi suất trong hạn 9%/1 năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

Nay vợ chồng ly hôn thì yêu cầu chị Thạch Thị Thanh Th và anh Trần Như L liên đới trả nợ tiền gốc, tiền lãi, mức lãi suất trong hạn 9%/1 năm.

Tại phiên tòa Đại diện Ngân hàng chính rút đơn khởi kiện vì trả nợ xong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận trợ cấp nuôi con theo ý bị đơn, chấp nhận việc rút đơn của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Thạch Thị Thanh Th có đăng ký kết hôn với anh Trần Như Lợi, nay chị Thạch Thị Thanh Th xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Thạch Thị Thanh Th và anh Trần Như Lự nguyên sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, ngày 30 tháng 11 năm 2009, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Thạch Thị Thanh Th và anh Trần Như Là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Thạch Thị Thanh Th và anh Trần Như Lũ đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, có bạo lực gia đình và chị Thủy đã sống ly thân, anh Lợi cho rằng vợ chồng mâu thuẫn nhỏ, không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Thạch Thị Thanh Th được ly hôn với anh Trần Như Lợi.

[4] Về con chung, giao cháu Trần Phước Lộc; sinh ngày 09/4/2014 cho anh Trần Như Lchăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: anh Lợi yêu cầu chị Thủy cấp dưỡng 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi con thành niên, nhưng chị Thủy không đồng ý vì cho rằng mình không có thu nhập, anh Lợi cho rằng mình thu nhập hàng tháng tiền lương khoảng 1.000.000đ.

Xét thấy cấp dưỡng nuôi con căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, chị Thủy chưa có công việc làm chưa có thu nhập ổn định, ngoài ra cháu Trần Phước Lộc còn nhỏ tuổi, vì vậy hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng 1.500.000đ/1 tháng là hợp lý.

Vì vậy cần buộc chị Thủy cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đ/1 tháng.

[5] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Người liên quan yêu cầu độc lập rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ giải quyết phần người liên quan có yêu cầu độc lập: ông Trần Nh L, bà Nguyễn Thị H, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

[7] Về án phí: chị Thạch Thị Thanh Th nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định, án phí trợ cấp nuôi con 300.000đ. tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015735 ngày 22/10/2020, số tiền án phí còn lại chị Thủy phải nộp là 300.000đ.

Chi phí giám định (lệ phí, tiền thuê xe) tổng cộng 8.600.000đ, chị Thủy chịu nghĩa vụ nộp (đã nộp xong).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 500.000đ cho bà Nguyễn Thị H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015818 ngày 12/11/2020

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự ;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Thạch Thị Thanh Th được ly hôn với anh Trần Như L.

[2] Về con chung: Giao cháu Trần Phước L, sinh ngày 09/4/2014 cho anh Trần Như L chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: chị Thạch Thị Thanh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000đ/1 tháng, cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Phước Lộc đủ 18 tuổi.

[3] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Đình chỉ giải quyết đơn khởi kiện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: ông Trần Nh L, bà Nguyễn Thị H, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Đương sự có quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: chị Thạch Thị Thanh Th nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định. án phí trợ cấp nuôi con 300.000đ. tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015735 ngày 22/10/2020, số tiền án phí còn lại chị Thủy phải nộp là 300.000đ

Chi phí giám định (lệ phí, tiền thuê xe) tổng cộng 8.600.000đ, chị Thủy chịu nghĩa vụ nộp (đã nộp xong).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 500.000đ cho bà Nguyễn Thị H theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015818 ngày 12/11/2020

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên